

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES<sup>®</sup>)

Công ty Thành viên của Reanda International

Địa chỉ đăng ký: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, HCM.

Trụ sở văn phòng tại Tp.HCM: 321B-C Đào Duy Anh, P.9, Q. Phú Nhuận, HCM.

Tel: +84 (8) 3 999 00 91-97 | Fax: + 84 (8) 3 999 0090

Email: [info@vietvalues.com](mailto:info@vietvalues.com) | Website: [www.vietvalues.com](http://www.vietvalues.com)



Mang tri thức phục vụ khách hàng

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO GIAI ĐOẠN TÀI CHÍNH TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2013  
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2013

### CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÙNG VƯƠNG



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES<sup>®</sup>)  
Công ty Thành viên của Reanda International

**NỘI DUNG**

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Bảng cân đối kế toán

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Trang

02 - 04

05

06 - 08

09

11 - 27



## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Hùng Vương (sau đây gọi tắt là 'Công ty') trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013.

### KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Hùng Vương, tên giao dịch quốc tế Hung Vuong Securites Join Stock Company, viết tắt là HVS., JSC, được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 99/UBCK - GP của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008 và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần nhất là lần thứ tư theo Quyết định số 22/GPĐC - UBCK cấp ngày 28 tháng 05 năm 2013 về việc thay đổi người đại diện pháp luật từ Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh sang Ông Nguyễn Nhật Minh Triều.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tư vào ngày 28 tháng 05 năm 2013 là 50.200.000.000 đồng, được chia thành 5.020.000 cổ phần.

Vốn pháp định của Công ty: 35.000.000.000 VNĐ.

Cơ cấu vốn điều lệ của công ty bao gồm:

STT	Cổ đông	Tỷ lệ /vốn góp	Số cổ phần	Giá trị cổ phần
1	Ông Tong Chin Hen	45,51%	2.284.800	22.848.000.000
2	Ông Nguyễn Thanh Tài	15,34%	770.000	7.700.000.000
3	Ông Trần Duy Quang	14,16%	711.000	7.110.000.000
4	Bà Trần Thị Kim Thy	13,96%	700.800	7.008.000.000
5	Ông Nguyễn Nhật Minh Triều	6,94%	348.400	3.484.000.000
6	Ông Ngu Chie Kieng	3,49%	175.000	1.750.000.000
7	Ông Trần Kim Điệp	0,60%	30.000	300.000.000
	<b>Cộng</b>	<b>100,00%</b>	<b>5.020.000</b>	<b>50.200.000.000</b>

### Trụ sở hoạt động

Địa chỉ: Khu B, Số 28 Phùng Khắc Khoan, P. Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84 - 08) 6291 5358

Fax: (84 - 08) 6291 5359

Mã số thuế: 0306 353 700

### Ngành nghề kinh doanh của công ty là:

- Môi giới chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm:

Ông : Tong Chin Hen	Chủ tịch
Ông : Nguyễn Thanh Tài	Thành viên
Ông : Ngu Chie Kieng	Thành viên

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông : Trần Duy Quang	Trưởng ban
Bà : Đoàn Lê Duy Uyên	Thành viên
Bà : Diệc Lệ Bình	Thành viên

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÙNG VƯƠNG

Các thành viên của Ban Tổng Giám Đốc

Bà : Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Tổng Giám Đốc	Miễn nhiệm ngày 05/03/2013
Ông : Nguyễn Nhật Minh Triều	Tổng Giám Đốc	Bổ nhiệm ngày 05/03/2013
Bà : Lê Thị Hương	Kế toán trưởng	

## KẾT QUẢ KINH DOANH

Tình hình tài chính tại thời điểm 30/06/2013, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 của Công ty được trình bày trên Báo cáo tài chính đính kèm được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn Chuẩn Việt - *Vietvalues*

## CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi thấy không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - *Vietvalues* được chỉ định thực hiện soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 của Công ty. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - *Vietvalues* bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

## CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tổng Giám Đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Tổng Giám Đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Tổng Giám Đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÙNG VƯƠNG**

---

Tổng Giám Đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

*TP. HCM, ngày 30 tháng 07 năm 2013.*

**TM. Ban Tổng Giám đốc**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**NGUYỄN NHẬT MINH TRIỀU**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES<sup>®</sup>)

Công ty Thành viên của Reanda International

Địa chỉ đăng ký: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, HCM

Trụ sở văn phòng tại Tp.HCM: 156-158 Phó Quang, phường 9, Q. Phú Nhuận, HCM

Tel 84 (8) 3999 00 91-97

Fax: +84 (8) 3 999 00 90

Email: info@vietvalues.com

Website: www.vietvalues.com



Số: 2396/13/BCKT/AUD-VVALUES

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

Về Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hùng Vương

Kính gửi: **Hội đồng quản trị**

**Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Hùng Vương**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hùng Vương được lập ngày 30 tháng 06 năm 2013 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 được trình bày từ trang 6 đến trang 27 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám Đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

### Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Các chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các báo cáo tài chính riêng có còn chứa đựng các sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét chủ yếu bao gồm việc phỏng vấn các nhân viên của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính. Do đó, công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận công tác soát xét

Dựa trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hùng Vương Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013 cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. HCM, ngày 30 tháng 07 năm 2013.

KIỂM TOÁN VIÊN



**ĐỖ THỊ HƯƠNG**

Giấy CNĐKHN số: 0967-2013-071-1

Chữ ký được ủy quyền

**NGUYỄN THANH HỒNG**

Giấy CNĐKHN số: 1512-2013-071-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
100	A. Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)		30.486.094.071	31.509.387.381
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	24.887.066.022	27.954.716.526
111	1. Tiền		1.187.066.022	3.554.716.526
112	2. Các khoản tương đương tiền		23.700.000.000	24.400.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu	V.3	5.373.248.945	3.452.837.360
131	1. Phải thu của khách hàng		5.105.165.612	3.216.362.361
138	5. Các khoản phải thu khác		268.083.333	236.474.999
140	IV Hàng tồn kho		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		225.779.104	101.833.495
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.4	192.165.033	64.711.140
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.614.071	5.122.355
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	V.5	32.000.000	32.000.000
200	B. Tài sản dài hạn (200=210+220+240+250+260)		1.873.529.287	2.466.367.082
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		1.163.371.421	1.910.694.688
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.6	756.717.999	1.277.863.820
222	- Nguyên giá		4.346.701.200	4.591.959.346
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(3.589.983.201)	(3.314.095.526)
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.7	406.653.422	632.830.868
228	- Nguyên giá		2.248.441.182	2.248.441.182
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(1.841.787.760)	(1.615.610.314)
240	III. Bất động sản đầu tư		-	-
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		710.157.866	555.672.394
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.8	107.401.243	28.731.297
263	3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	V.9	346.263.823	270.448.297
268	4. Tài sản dài hạn khác	V.10	256.492.800	256.492.800
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>		<b>32.359.623.358</b>	<b>33.975.754.463</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
300	A . Nợ phải trả (300 =310+330)		5.366.124.880	5.641.044.077
310	I. Nợ ngắn hạn		5.366.124.880	5.641.044.077
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	V.11	4.090.000.000	1.995.000.000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.12	44.246.098	22.994.134
316	6. Chi phí phải trả	V.13	56.836.550	80.168.420
319	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	V.14	1.154.149.499	3.542.881.523
320	9. Phải trả giao dịch chứng khoán		20.892.733	-
330	II. Nợ dài hạn		-	-
400	B . Nguồn vốn chủ sở hữu (400=410+430)		26.993.498.478	28.334.710.386
410	I. Nguồn vốn chủ sở hữu	V.15	26.993.498.478	28.334.710.386
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		50.200.000.000	50.200.000.000
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(23.206.501.522)	(21.865.289.614)
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>32.359.623.358</b>	<b>33.975.754.463</b>
Mã số	<b>CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CĐKT</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/06/2013 VND</b>	<b>01/01/2013 VND</b>
006	6. Chứng khoán lưu ký		38.137.720.000	43.955.160.000
007	6.1. Chứng khoán giao dịch		35.140.550.000	42.131.820.000
008	6.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký		-	-
009	6.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		35.140.550.000	42.131.820.000
010	6.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài		-	-
011	6.1.4. Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác		-	-
012	6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		360.000.000	360.000.000
013	6.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký		360.000.000	360.000.000
027	6.5. Chứng khoán chờ thanh toán		2.458.500.000	1.428.000.000
028	6.5.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký		-	-
029	6.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước		2.458.500.000	1.428.000.000



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
037	6.7. Chứng khoán chờ giao dịch		178.670.000	35.340.000
038	6.7.1. Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký		-	-
039	6.7.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước		178.670.000	35.340.000
050	7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết		199.000.000	-
051	7.1. Chứng khoán giao dịch		-	-
056	7.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		199.000.000	-

Kế toán trưởng



LÊ THỊ HƯƠNG

TP. HCM, ngày 30 tháng 07 năm 2013.

Tổng Giám đốc



NGUYỄN NHẬT MINH TRIỀU

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

cho kỳ kế toán từ 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Từ tháng 1 đến tháng 6 năm 2013 VND	Từ tháng 1 đến tháng 6 năm 2012 VND
01	<b>1. Doanh thu</b>	<b>VI.16</b>	<b>2.177.062.118</b>	<b>3.036.370.801</b>
01.1	Doanh thu môi giới chứng khoán		561.095.596	744.692.341
01.9	Doanh thu khác		1.615.966.522	2.291.678.460
02	<b>2. Các khoản giảm trừ</b>		-	-
10	<b>3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh</b>		<b>2.177.062.118</b>	<b>3.036.370.801</b>
11	<b>4. Chi phí hoạt động kinh doanh</b>	<b>VI.17</b>	<b>1.020.835.487</b>	<b>1.093.322.121</b>
20	<b>5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh</b>		<b>1.156.226.631</b>	<b>1.943.048.680</b>
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.18	2.486.570.568	2.854.781.155
30	<b>10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(1.330.343.937)</b>	<b>(911.732.475)</b>
31	11 Thu nhập khác	VI.19	74.132.029	68.459.883
32	12 Chi phí khác	VI.20	85.000.000	-
40	<b>13 Lợi nhuận khác</b>		<b>(10.867.971)</b>	<b>68.459.883</b>
50	<b>14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>(1.341.211.908)</b>	<b>(843.272.592)</b>
51	15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.21	-	-
52	16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	<b>17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>		<b>(1.341.211.908)</b>	<b>(843.272.592)</b>
70	<b>18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>VI.22</b>	<b>(267)</b>	<b>(168)</b>

Kế toán trưởng

LÊ THỊ HƯƠNG

TP. HCM, ngày 30 tháng 07 năm 2013.

Tổng Giám đốc



NGUYỄN NHẬT MINH TRIỀU



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

cho kỳ kế toán từ 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Từ tháng 1 đến tháng 6 năm 2013	Từ tháng 1 đến tháng 6 năm 2012
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(1.341.211.908)	(843.272.592)
	2. Điều chỉnh các khoản		(544.702.409)	(848.702.673)
02	- Khấu hao TSCĐ		686.070.366	685.423.983
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.245.380.741)	(1.574.353.184)
06	- Chi phí lãi vay		14.607.966	40.226.528
08	3. Lợi nhuận từ HĐ kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(1.885.914.317)	(1.691.975.265)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(1.966.110.493)	(1.679.608.082)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(2.369.919.197)	1.548.020.099
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(144.870.938)	(87.474.132)
13	- Tiền lãi vay đã trả		(14.607.966)	(40.226.528)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(6.381.422.911)	(1.951.263.908)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác		-	(10.454.545)
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(63.900.000.000)	(65.500.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		63.900.000.000	62.071.419.495
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.218.772.407	1.576.901.109
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		1.218.772.407	(1.862.133.941)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		39.296.400.000	29.095.400.000
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(37.201.400.000)	(28.885.400.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		2.095.000.000	210.000.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(3.067.650.504)	(3.603.397.849)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		27.954.716.526	26.238.771.738
61	Ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái đến quy đổi ngoại tệ			
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		24.887.066.022	22.635.373.889

Kế toán trưởng

LÊ THỊ HƯƠNG

TP. HCM, ngày 30 tháng 07 năm 2013.

Tổng Giám đốc



NGUYỄN NHẬT MINH TRIỀU

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013***I ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Hùng Vương, tên giao dịch quốc tế Hung Vuong Securites Join Stock Company, viết tắt là HVS., JSC, được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 99/UBCK - GP của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008 và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần nhất là lần thứ tư theo Quyết định số 22/GPĐC - UBCK cấp ngày 28 tháng 05 năm 2013 về việc thay đổi người đại diện pháp luật từ Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh sang Ông Nguyễn Nhật Minh Triều.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tư vào ngày 28 tháng 05 năm 2013 là 50.200.000.000 đồng, được chia thành 5.020.000 cổ phần.

Vốn pháp định của Công ty: 35.000.000.000 VNĐ.

Cơ cấu vốn điều lệ công ty gồm:

Cổ đông	Tỷ lệ /vốn góp	Số cổ phần	Giá trị cổ phần
Ông Tong Chin Hen	45,51%	2.284.800	22.848.000.000
Ông Nguyễn Thanh Tài	15,34%	770.000	7.700.000.000
Ông Trần Duy Quang	14,16%	711.000	7.110.000.000
Bà Trần Thị Kim Thy	13,96%	700.800	7.008.000.000
Ông Nguyễn Nhật Minh Triều	6,94%	348.400	3.484.000.000
Ông Ngu Chie Kieng	3,49%	175.000	1.750.000.000
Ông Trần Kim Điệp	0,60%	30.000	300.000.000
<b>Cộng</b>	<b>100,00%</b>	<b>5.020.000</b>	<b>50.200.000.000</b>

Trụ sở hoạt động :

Địa chỉ: Khu B, Số 28 Phùng Khắc Khoan, P. Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84 - 08) 6291 5358

Fax: (84 - 08) 6291 5359

Mã số thuế: 0306 353 700

**2 Lĩnh vực kinh doanh**

- Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh

- Môi giới chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

**3 Nhân viên**

Số lượng nhân viên của công ty tại ngày 30/06/2013 là: 19 người

**4 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013.

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với Báo cáo tài chính đính kèm*

**II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1 Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1 Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.

Thông tư số 95/2008/TT - BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài Chính về "Hướng dẫn kế toán đối với Công ty chứng khoán", Thông tư số 162/2010/TT - BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 về "Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư 95/2008/TT - BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008".

**2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

**3 Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ÁP DỤNG****1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**2 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao TSCĐ được thực hiện theo phương pháp khấu hao đường thẳng: Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với Thông tư 203/2009/TT-BTC từ ngày 01/01/2013 đến ngày 10/06/2013 và Thông tư số 45/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ áp dụng từ ngày 11/06/2013 trở đi, thời gian ước tính như sau.

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 năm
- Thiết bị văn phòng	05 năm

Các tài sản cố nguyên giá không đủ điều kiện theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC sẽ được theo dõi trên Chi phí trả trước dài hạn và phân bổ giá trị còn lại không quá 03 năm

**3 Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với Báo cáo tài chính đính kèm*

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### 4 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

#### 5 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

#### 6 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

##### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**7 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản thuế**

*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với Báo cáo tài chính đính kèm

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	-	-
Tiền gửi ngân hàng	1.187.066.022	3.554.716.526
Trong đó:		
+ Tiền gửi của Công ty chứng khoán	21.400.893	28.935.122
+ Tiền ký quỹ của nhà đầu tư	1.165.665.129	3.525.781.404
Các khoản tương đương tiền (*)	23.700.000.000	24.400.000.000
<b>Cộng</b>	<b>24.887.066.022</b>	<b>27.954.716.526</b>

(\*) Là các hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng Phương Nam có thời hạn từ 3 tháng trở xuống, lãi suất 7,5%/năm

### 2. Giá trị khối lượng thực hiện giao dịch trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2012		6 tháng đầu năm 2013	
	Giao dịch	Giá trị giao dịch	Giao dịch	Giá trị giao dịch
a/ Của Công ty chứng khoán				
b/ Của Nhà đầu tư			26.029.650	318.904.581.000
- Cổ phiếu			26.029.650	318.904.581.000

### 3. Các khoản phải thu khác (xem phụ lục 01)

### 4. Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phí hoạt động giao dịch chứng khoán	155.999.986	33.212.491
Phí đào tạo, đồng phục cho nhân viên	20.403.334	11.834.024
Các khoản phí khác	15.761.713	19.664.625
<b>Cộng</b>	<b>192.165.033</b>	<b>64.711.140</b>

### 5. Tài sản ngắn hạn khác

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	-
Tạm ứng	3.000.000	3.000.000
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	29.000.000	29.000.000
<b>Cộng</b>	<b>32.000.000</b>	<b>32.000.000</b>



Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với Báo cáo tài chính đính kèm

**6. Tài sản cố định hữu hình**

*DVT: đồng*

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ dùng trong quản lý	Cộng TSCĐ hữu hình
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>					
Số đầu năm	375.690.971			4.216.268.375	4.591.959.346
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	245.258.146	245.258.146
Số cuối năm	375.690.971	-	-	3.971.010.229	4.346.701.200
<b>Hao mòn TSCĐ</b>					
Số đầu năm	300.552.779			3.013.542.747	3.314.095.526
Tăng trong năm	37.569.096	-	-	422.323.824	459.892.920
- Trích khấu hao TSCĐ	37.569.096			422.323.824	459.892.920
Giảm trong năm	-	-	-	184.005.245	184.005.245
Số cuối năm	338.121.875	-	-	3.251.861.326	3.589.983.201
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	75.138.192	-	-	1.202.725.628	1.277.863.820
Số cuối năm	37.569.096	-	-	719.148.903	756.717.999

Nguyên giá TSCĐ chuyển sang CCDC theo Thông tư 45 là: 245.258.146

Tài sản giảm trong kỳ là các tài sản có nguyên giá dưới 30.000.000 đồng được theo dõi theo hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành hướng dẫn chế độ quản lý và khấu hao tài sản cố định.

**7. Tài sản cố định vô hình**

*DVT: đồng*

Chỉ tiêu	Phần mềm máy tính	Cộng TSCĐ vô hình
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>		
Số đầu năm	2.248.441.182	2.248.441.182
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	2.248.441.182	2.248.441.182
<b>Hao mòn TSCĐ</b>		
Số đầu năm	1.615.610.314	1.615.610.314
Tăng trong năm	226.177.446	226.177.446
- Trích khấu hao TSCĐ	226.177.446	226.177.446
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	1.841.787.760	1.841.787.760
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số đầu năm	632.830.868	632.830.868
Số cuối năm	406.653.422	406.653.422

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với Báo cáo tài chính đính kèm

8. Chi phí trả trước dài hạn		30/06/2013	01/01/2013		
		VND	VND		
Giá trị còn lại của CCDC đang sử dụng chờ phân bổ		107.401.243	28.731.297		
<b>Cộng</b>		<b>107.401.243</b>	<b>28.731.297</b>		
Trong đó Giá trị còn lại TSCĐ chuyển sang CCDC theo thông tư 45 là :		61.252.901			
9. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán		30/06/2013	01/01/2013		
		VND	VND		
Tiền nộp ban đầu		120.000.000	120.000.000		
Tiền nộp bổ sung		226.263.823	117.979.867		
Tiền lãi phân bổ trong năm			32.468.430		
<b>Cộng</b>		<b>346.263.823</b>	<b>270.448.297</b>		
10. Tài sản dài hạn khác		30/06/2013	01/01/2013		
		VND	VND		
Đặt cọc thuê văn phòng		256.492.800	256.492.800		
<b>Cộng</b>		<b>256.492.800</b>	<b>256.492.800</b>		
11. Vay và nợ ngắn hạn					
Chi tiết	Lãi suất	Số dư đầu kỳ	Số vay trong kỳ	Số trả trong kỳ	Số dư cuối kỳ
Vay ngân hàng (*)					
Ngân hàng Phương Nam					
thời hạn 1 - 5 ngày	9%/năm	1.995.000.000	39.296.400.000	37.201.400.000	4.090.000.000
<b>Cộng</b>		<b>1.995.000.000</b>	<b>39.296.400.000</b>	<b>37.201.400.000</b>	<b>4.090.000.000</b>
12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước		30/06/2013	01/01/2013		
		VND	VND		
Thuế thu nhập cá nhân		44.246.098	22.994.134		
<b>Cộng</b>		<b>44.246.098</b>	<b>22.994.134</b>		

(\*) Các hợp đồng vay ngân hàng được bảo lãnh bằng các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng này (xem V. 1)

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với Báo cáo tài chính đính kèm

## 13. Chi phí phải trả

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Trích trước chi phí giao dịch chứng khoán	-	14.437.380
Trích trước chi phí điện nước	18.459.276	20.767.925
Trích trước chi phí phải trả khác	38.377.274	44.963.115
<b>Cộng</b>	<b>56.836.550</b>	<b>80.168.420</b>

## 14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nhận ký cược ký quỹ ngắn hạn của Nhà đầu tư	7.036.499	6.411.523
Phải trả tiền thanh toán bù trừ chứng khoán của Nhà đầu tư	1.147.113.000	3.525.219.000
Các khoản phải trả phải nộp khác	-	11.251.000
<b>Cộng</b>	<b>1.154.149.499</b>	<b>3.542.881.523</b>

## 15. Nguồn vốn chủ sở hữu

## a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

DVT: đồng

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của CSH	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng vốn chủ sở hữu
1. Số dư đầu kỳ này	50.200.000.000	-	-	(21.865.289.614)	28.334.710.386
2. Tăng trong kỳ này	-	-	-	(1.341.211.908)	(1.341.211.908)
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	(1.341.211.908)	(1.341.211.908)
3. Giảm trong kỳ này	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ này	50.200.000.000	-	-	(23.206.501.522)	26.993.498.478

## b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Ông Tong Chin Hen	22.848.000.000	22.848.000.000
Ông Nguyễn Thành Tài	7.700.000.000	7.700.000.000
Ông Trần Duy Quang	7.110.000.000	7.110.000.000
Ông Trần Thị Kim Thy	7.008.000.000	7.008.000.000
Ông Nguyễn Nhật Minh Triều	3.484.000.000	3.484.000.000
Ông Ngu Chie Kieng	1.750.000.000	1.750.000.000
Ông Trần Kim Điệp	300.000.000	300.000.000
<b>Cộng</b>	<b>50.200.000.000</b>	<b>50.200.000.000</b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với Báo cáo tài chính đính kèm

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	6 tháng đầu năm 2013 VND	6 tháng đầu năm 2012 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	50.200.000.000	50.200.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	50.200.000.000	50.200.000.000

d. Cổ phiếu

	30/06/2013	01/01/2013
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
- Số lượng Cổ phiếu đã phát hành	5.020.000	5.020.000
+ Cổ phiếu phổ thông	5.020.000	5.020.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.020.000	5.020.000
+ Cổ phiếu phổ thông	5.020.000	5.020.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phần):	10.000	10.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

16. Doanh thu

	6 tháng đầu năm 2013 VND	6 tháng đầu năm 2012 VND
Doanh thu môi giới chứng khoán	561.095.596	744.692.341
Doanh thu khác	1.615.966.522	2.291.678.460
<i>Doanh thu ứng trước tiền bán chứng khoán</i>	<i>258.663.070</i>	<i>387.976.149</i>
<i>Doanh thu quản lý tài khoản</i>	<i>370.585.781</i>	<i>233.081.000</i>
<i>Doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng</i>	<i>986.717.671</i>	<i>1.670.621.311</i>
<b>Cộng</b>	<b>2.177.062.118</b>	<b>3.036.370.801</b>

17. Chi phí hoạt động kinh doanh

	6 tháng đầu năm 2013 VND	6 tháng đầu năm 2012 VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	95.671.387	136.778.367
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	-	2.547.925
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	19.943.793	23.638.503
Chi phí cho thuê sử dụng tài sản	20.000.004	20.000.004
Chi phí hoạt động khác	885.220.303	910.357.322
<b>Cộng</b>	<b>1.020.835.487</b>	<b>1.093.322.121</b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với Báo cáo tài chính đính kèm

18. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	6 tháng đầu năm 2013 VND	6 tháng đầu năm 2012 VND
Chi phí nhân viên quản lý	989.315.185	1.200.536.131
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	21.852.522	15.321.290
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	8.962.065	11.690.516
Chi phí khấu hao tài sản cố định	466.192.920	465.546.537
Thuế, phí và lệ phí	72.922.194	68.173.387
Chi phí dịch vụ mua ngoài	894.531.316	1.064.649.908
Chi phí khác bằng tiền	32.794.366	28.863.386
<b>Cộng</b>	<b>2.486.570.568</b>	<b>2.854.781.155</b>

19. Thu nhập khác

	6 tháng đầu năm 2013 VND	6 tháng đầu năm 2012 VND
Doanh thu cho thuê văn phòng	45.100.800	45.258.480
Doanh thu phạt thanh toán chậm	91.909	23.201.403
Thu nhập từ tiền lãi quỹ hỗ trợ thanh toán năm 2012	28.939.320	-
<b>Cộng</b>	<b>74.132.029</b>	<b>68.459.883</b>

20. Chi phí khác

	6 tháng đầu năm 2013 VND	6 tháng đầu năm 2012 VND
Chi phí phạt trong hoạt động chứng khoán	85.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>85.000.000</b>	<b>-</b>

21. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2013 VND	6 tháng đầu năm 2012 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	(1.341.211.908)	(843.272.592)
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.341.211.908)	(843.272.592)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành(*)	-	-
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với Báo cáo tài chính đính kèm

## 22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2013 VND	6 tháng đầu năm 2012 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.341.211.908)	(843.272.592)
Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ	-	-
<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>(1.341.211.908)</b>	<b>(843.272.592)</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu kỳ	5.020.000	5.020.000
Cổ phiếu phổ thông tăng bình quân trong kỳ	-	-
Cổ phiếu phổ thông giảm bình quân trong kỳ	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.020.000	5.020.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(267)</b>	<b>(168)</b>

## VII. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Nội dung nghiệp vụ	6 tháng đầu năm 2013 VND	6 tháng đầu năm 2012 VND
Lương Tổng Giám đốc	358.571.428	428.403.174

## VIII. THÔNG TIN KHÁC

### 1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết

Không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

### 2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty

### 3. Thông tin hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình.

### 4. Những thông tin khác

#### a Chính sách quản lý rủi ro

##### Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và đầu tư sẵn sàng để bán.

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với Báo cáo tài chính đính kèm*

#### *Rủi ro về lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản tương đương tiền và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013 vì đa phần các khoản vay trong kỳ này có lãi suất cố định.

#### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Công ty là không đáng kể.

#### *Rủi ro giá cổ phiếu*

Công ty không có khoản đầu tư tài chính nào nên không chịu rủi ro về giá cổ phiếu

#### **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu từ nghiệp vụ **ứng trước tiền bán chứng khoán cho nhà đầu tư**) và hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

#### *Phải thu khách hàng*

Thực tế rằng các khoản phải thu khách là khoản tiền ứng trước tiền bán chứng khoán cho nhà đầu tư, được thanh toán sau khi giao dịch bán chứng khoán hoàn tất bù trừ thanh toán nên không có rủi ro tín dụng.

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng từ số dư tiền gửi ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

#### **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám Đốc cho là đủ để đáp ứng các hoạt động của công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở đã được chiết khấu :

<b>30/06/2013</b>	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>1 đến 5 năm</b>	<b>Tổng cộng</b>
Các khoản vay	4.090.000.000		<b>4.090.000.000</b>
Phải trả người bán và phải trả khác	1.175.042.232		<b>1.175.042.232</b>
Chi phí phải trả	56.836.550		<b>56.836.550</b>

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với Báo cáo tài chính đính kèm*

<b>01/01/2013</b>	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>1 đến 5 năm</b>	<b>Tổng cộng</b>
Các khoản vay	1.995.000.000		<b>1.995.000.000</b>
Phải trả người bán và phải trả khác	3.542.881.523		<b>3.542.881.523</b>
Chi phí phải trả	80.168.420		<b>80.168.420</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

**b Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

Phần bên dưới trình bày các thuyết minh bổ sung theo yêu cầu của Thông tư số 210/2009/TT-BTC đối với công cụ tài chính:

**Tài sản tài chính**

Các tài sản tài chính của Công ty theo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC bao gồm: tiền gửi tại các tổ chức tín dụng, các khoản phải thu, các tài sản theo các hợp đồng phái sinh tiền tệ.

**Nợ phải trả tài chính**

Các nợ phải trả tài chính của Công ty theo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC bao gồm: các khoản vay, các khoản nợ phải trả và các khoản nợ phải trả theo các hợp đồng phái sinh tiền tệ.

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý: giá trị hợp lý của tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán, và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công nợ này có kỳ hạn ngắn.

**Các loại công cụ tài chính**

	<b>Giá trị ghi sổ</b>	
	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	24.887.066.022	27.954.716.526
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.373.248.945	3.452.837.360
<b>Tổng cộng</b>	<b>30.260.314.967</b>	<b>31.407.553.886</b>
<b>Nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	4.090.000.000	1.995.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	1.175.042.232	3.542.881.523
Chi phí phải trả	56.836.550	80.168.420
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.321.878.782</b>	<b>5.618.049.943</b>



Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với Báo cáo tài chính đính kèm

### 5. Cam kết theo các hợp đồng thuê hoạt động

Công ty thuê văn phòng theo hình thức hợp đồng thuê hoạt động. Hợp đồng thuê này có thời hạn là 2 năm, với tiền thuê cố định mỗi kỳ.

	6 tháng đầu năm 2013 VND	6 tháng đầu năm 2012 VND
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong năm	501.715.636	612.302.400

### 6 Thông tin về báo cáo bộ phận (xem phụ lục 02)

## IX. SỐ LIỆU SO SÁNH

- Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Đất Việt.

'- Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Đất Việt.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay

	Mã số	Phân loại lại VND	Trình bày trên BC tài chính năm 2012
<b>3. Trên Lưu chuyển tiền tệ</b>			
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(65.500.000.000)	(3.500.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	62.071.419.495	71.419.495

Kế toán trưởng



LÊ THỊ HƯƠNG

TP. HCM, ngày 30 tháng 07 năm 2013

Tổng Giám đốc



NGUYỄN NHẬT MINH TRIỀU

Bản phụ lục này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với Báo cáo tài chính đính kèm

Phụ lục 01

### 3. Các khoản phải thu ngắn hạn

Chi tiết	01/01/2013		Số phát sinh		30/06/2013		Số trích lập dự phòng
	Cộng	Quá hạn	Tăng	Giảm	Cộng	Quá hạn	
1. Phải thu của khách hàng			49.610.880	49.610.880			
2. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	3.216.362.361	-	- 138.943.104.647	137.054.301.396	5.105.165.612	-	-
- Phải thu ứng trước tiền cho nhà đầu tư	3.216.362.361		138.943.104.647	137.054.301.396	5.105.165.612		
3. Trả trước cho người bán			-	-	-		
4. Thuế GTGT được khấu trừ	5.122.355		90.421.957	93.930.241	1.614.071		
5. Phải thu nội bộ ngắn hạn							
6. Các khoản phải thu khác (*)	236.474.999		1.471.313.734	1.439.705.400	268.083.333		
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.457.959.715</b>	<b>-</b>	<b>- 140.554.451.218</b>	<b>138.637.547.917</b>	<b>5.374.863.016</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

(\*) Chi tiết các khoản phải thu khác:

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Lãi dự thu các hợp đồng tiền gửi	252.583.333	225.974.999
Phải thu khác	15.500.000	10.500.000
<b>Cộng</b>	<b>268.083.333</b>	<b>236.474.999</b>

Bản phụ lục này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với Báo cáo tài chính đính kèm

Phụ lục 02

## 6. Thông tin về báo cáo bộ phận

### a/ Thông tin báo cáo Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động kinh doanh: Bộ phận môi giới và dịch vụ khách hàng, Bộ phận kinh doanh nguồn vốn và bộ phận khác. Công ty lập Báo cáo bộ phận theo 3 bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của 3 bộ phận kinh doanh trên như sau:

- Bộ phận môi giới và dịch vụ khách hàng: Kinh doanh môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán,....
- Bộ phận kinh doanh nguồn vốn: Kinh doanh thông qua vốn sẵn có để lấy lãi (gửi tiền ngân hàng), hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán cho nhà đầu tư
- Bộ phận khác: Cho thuê mặt bằng, hoạt động khác,....

Thông tin về tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Số dư 30/06/2013	Bộ phận môi giới và dịch vụ	Bộ phận kinh doanh nguồn vốn	Bộ phận khác	Không phân bổ	Cộng
<b>Tài sản</b>					
Tài sản bộ phận trực tiếp	1.165.665.129	29.440.913.661			30.606.578.790
Tài sản phân bổ (*)	377.043.858	1.085.893.839			1.462.937.697
Tài sản không phân bổ				290.106.871	290.106.871
<b>Tổng tài sản</b>	<b>1.542.708.987</b>	<b>30.526.807.500</b>	<b>-</b>	<b>290.106.871</b>	<b>32.359.623.358</b>
<b>Nợ phải trả</b>					
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	1.175.042.232				1.175.042.232
Nợ phải trả phân bổ (*)					-
Nợ phải trả không phân bổ				4.191.082.648	4.191.082.648
<b>Tổng nợ phải trả</b>					<b>5.366.124.880</b>

*Bản phụ lục này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với Báo cáo tài chính đính kèm*

*Phụ lục 02*

Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

**6 tháng đầu năm 2013**

	Bộ phận môi giới và dịch vụ	Bộ phận kinh doanh nguồn vốn	Bộ phận khác	Không phân bổ	Cộng
Doanh thu hoạt động kinh doanh	561.095.596	1.615.966.522	-	-	2.177.062.118
Chi phí hoạt động tiếp và chi phí quản lý (không bao gồm chi phí khấu hao)	885.958.041	2.020.377.648	-	-	2.906.335.689
Chi phí khấu hao	219.877.446	466.192.920	-	-	686.070.366
Lãi (lỗ) khác	-	-	74.132.029	-	74.132.029
<b>Lợi nhuận (lỗ) trước thuế</b>	<b>(544.739.891)</b>	<b>(870.604.046)</b>	<b>74.132.029</b>	<b>-</b>	<b>(1.341.211.908)</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	-	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	-	-	-
<b>Lợi nhuận (lỗ) sau thuế</b>	<b>(544.739.891)</b>	<b>(870.604.046)</b>	<b>74.132.029</b>	<b>-</b>	<b>(1.341.211.908)</b>

Tài sản, nợ phải trả được phân bổ cho từng bộ phận theo tỷ lệ đóng góp của bộ phận đó trong Tổng Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh của Công ty.

**b/ Thông tin báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý**

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, thuộc lãnh thổ Việt Nam nên công ty không trình bày báo cáo bộ phận này.